

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Đức Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 102/2018/QĐST-HC ngày 30 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã căn cứ vào Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12 của Quốc hội, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện trong vụ án hành chính về việc “Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Mạnh D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Căn hộ số 502 Chung cư B, đường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê C, sinh năm 1937

Địa chỉ: Tổ 8, ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân thành phố B

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B

Tại đơn kháng cáo đề ngày 10/12/2018 người khởi kiện ông Lê Mạnh D đề nghị hủy quyết định số 102/2018/QĐST-HC ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp trình bày quan điểm giải quyết vụ việc: Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng phúc thẩm hủy quyết

định đình chỉ giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện của ông D là chưa đủ căn cứ, bởi lẽ:

Ngày 14/01/2014 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định 164/QĐ-UBND thu hồi 295,6 m² đất của ông Lê Mạnh D. Ngày 15/01/2014 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định 265/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Mạnh D. Ngày 25/9/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 2252/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông D.

Ngày 16/12/2016 ông Lê C có đơn khiếu nại các quyết định trên. Ngày 24/4/2017 Thanh tra thành phố B đã tổng đạt quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông C cho bà Đỗ Thị T (là con dâu ông C). Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, ngày 22/7/2014 ông Lê Mạnh D đã có văn bản ủy quyền cho ông Lê C được toàn quyền quyết định đối với thửa đất bị thu hồi. Đến ngày 09/9/2018 ông D mới nộp khởi kiện ra Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện là chưa đủ căn cứ.

Xét, nội dung văn bản ủy quyền ngày 22/7/2014 chỉ nêu: *‘Bên B (ông C) được toàn quyền quyết định đối với thửa đất đã được UBND thành phố B cấp giấy CNQSD đất số AD700704 ngày.../.../... tọa lạc tại phường Phước Nguyên, thành phố B’* mà không thể hiện cụ thể là ông C được quyền quyết định vấn đề gì? Đối với thửa đất nào? Ông C là người làm đơn khiếu nại, nhưng quyết định giải quyết khiếu nại của ông C lại được phía người bị kiện tổng đạt cho bà T. Nhưng hồ sơ không thể hiện bà T có cam kết thông báo hoặc giao lại quyết định giải quyết khiếu nại cho ông C, ông D và cũng không thể hiện nếu bà T có thông báo thì thông báo vào ngày nào để xác định thời điểm ông D biết được quyết định trên. Do đó, chưa đủ cơ sở xác định quyết định số 1713 đã được tổng đạt hợp lệ cho ông D vào ngày 24/4/2017.

Hơn nữa, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện 04 quyết định 164/QĐ-UBND ngày 14/01/2014, 265/QĐ-UBND ngày 15/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố B, 2252/QĐ-UBND ngày 25/9/2015, 1713/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đều thể hiện có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, nhưng phía Ủy ban nhân dân không có văn bản hay chứng cứ nào chứng minh là đã giao quyết định cho ông D hay chứng minh ông D đã biết được các văn bản nêu trên trước khi khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông D khởi kiện đã hết thời hiệu khởi kiện là chưa chính xác.

Từ những phân tích, Hội đồng phúc thẩm xét thấy kháng cáo của người khởi kiện là có cơ sở. Chấp nhận theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát

tham gia phiên họp hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Vì kháng cáo được chấp nhận nên người khởi kiện ông Lê Mạnh D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 243 Luật Tố tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Mạnh D.

Hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 102/2018/QĐST-HC ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

2/ Về án phí: Người khởi kiện không phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005999 ngày 12/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (10) 18b (QĐ39).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Phạm Thị Duyên